

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2019/HN-ST

Ngày: 11-7-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa

2. Ông Ngô Văn Mừng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Lê Phước T** - Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Bà **Huỳnh Kim Ph** – Sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn ông Lê Phước T trình bày: Vợ chồng sống chung vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định. Vợ chồng sống đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn bà Huỳnh Kim Ph.

Về con chung: Ông T xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có.

Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bà Huỳnh Kim Ph đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của ông T và được triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng bà không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, nên không ghi ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bà Ph đã được triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng bà vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Ông Lê Phước T khởi kiện xin ly hôn bà Huỳnh Kim Ph có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Lê Phước T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Kim Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng bà vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Huỳnh Kim Ph, ông Lê Phước T là có căn cứ

[2]- Về nội dung: Ông Lê Phước T và bà Huỳnh Kim Ph sống chung vào năm 2017, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Ph, ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, bà P đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của ông T, nhưng bà không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của bà Ph đối với ông T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, việc ông T xin ly hôn bà Ph là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Ông T xác định vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Ông T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Ông T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Phước T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Lê Phước T** xin ly hôn bà **Huỳnh Kim Ph.**

Về quan hệ con chung: Ông T xác định vợ chồng không có con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông T xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Ph và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông Lê Phước T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012859 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ly

Huỳnh Tấn Khoa

Nguyễn Công Đức

